Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4907.00.29

Mã HS	4907.00.29
Mô tả hàng hóa	Các loại tem bưu chính, tem thuế hoặc tem tương tự chưa qua sử dụng, loại đang được lưu hành hoặc mới phát hành tại nước mà ở đó chúng có, hoặc sẽ có giá mặt được công nhận; giấy có dấu tem sẵn; các loại giấy bạc ngân hàng (banknotes); mẫu séc; giấy chứng nhận cổ phần, cổ phiếu hoặc trái phiếu và các loại chứng từ sở hữu tương tự / - Tem bưu chính, tem thuế hoặc các loại tem tương tự chưa sử dụng: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 13:33:23
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/49070029/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7770
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7770
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7770
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-CN)	0% (trừ CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7493
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7446
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7446
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7446
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7446
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7446
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7446
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7496
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7496
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7496
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7496

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7496
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7496
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7497
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7497
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7497
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7497
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7497
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7497
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7498
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7452
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7460
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7460
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7460
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7460
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7460
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7460
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7482
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7482
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7482
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7482
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7482
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7482
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7528
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7528
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7528
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7528

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7528
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7528
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7508
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7508
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7508
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7508
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7508
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7508
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7521
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7521
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7521
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7521
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7521
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7521
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7525
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7525
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7525
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7525
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7525
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7525
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7526
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7526
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7526
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7526
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7526
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7526

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7476
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7476
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7476
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7476
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7476
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7476
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7476
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7513
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7513
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7513
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7513
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7513
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7513
RCEP B	2022	2022	0	B!D7513
RCEP B	2023	2023	0	B!E7513
RCEP B	2024	2024	0	B!F7513
RCEP B	2025	2025	0	B!G7513
RCEP B	2026	2026	0	B!H7513
RCEP B	2027	2027	0	B!I7513
RCEP C	2022	2022	0	C!D7513
RCEP C	2023	2023	0	C!E7513
RCEP C	2024	2024	0	C!F7513
RCEP C	2025	2025	0	C!G7513
RCEP C	2026	2026	0	C!H7513
RCEP C	2027	2027	0	C!I7513
RCEP D	2022	2022	0	D!D7513

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E7513
RCEP D	2024	2024	0	D!F7513
RCEP D	2025	2025	0	D!G7513
RCEP D	2026	2026	0	D!H7513
RCEP D	2027	2027	0	D!I7513
RCEP E	2022	2022	0	E!D7516
RCEP E	2023	2023	0	E!E7516
RCEP E	2024	2024	0	E!F7516
RCEP E	2025	2025	0	E!G7516
RCEP E	2026	2026	0	E!H7516
RCEP E	2027	2027	0	E!I7516
RCEP F	2022	2022	0	F!D7513
RCEP F	2023	2023	0	F!E7513
RCEP F	2024	2024	0	F!F7513
RCEP F	2025	2025	0	F!G7513
RCEP F	2026	2026	0	F!H7513
RCEP F	2027	2027	0	F!I7513
VIFTA	2024	2024	0	VI!F6947
VIFTA	2025	2025	0	VI!G6947
VIFTA	2026	2026	0	VI!H6947
VIFTA	2027	2027	0	VI!I6947

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 4907.00 có 6 dòng thuế; dòng 4907.00.29 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	4907.00.10 Giấy bạc ngân hàng (banknotes), loại pháp định(*); 4907.00.21 Tem bưu chính; 4907.00.50 Mẫu séc; 4907.00.60 Giấy chứng nhận cổ phần, cổ phiếu hoặc trái phiếu và các loại chứng từ sở hữu tương tự; 4907.00.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4907.00.29. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 4907.00.29 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7770), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.